

Để viết tốt hơn các em cần phải luyện tập chăm chỉ cũng như tham khảo thêm ở các bài văn mẫu Miêu tả hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng lớp 6 tại chuyên trang của chúng tôi. Nó sẽ giúp các em có thêm nhiều kiến thức về Miêu tả hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng lớp 6 ý nghĩa phong phú và những từ ngữ hay hơn để áp dụng vào bài làm của mình.

Dưới đây là một số bài văn Miêu tả hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng lớp 6 ngắn gọn, có ý nghĩa nhất được chia sẻ miễn phí, hỗ trợ các em ôn luyện hiệu quả. Mời các em học sinh cùng quý thầy cô tham khảo.

Bài văn Miêu tả hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng số 1

Truyện ngắn Buổi học cuối cùng của nhà văn nổi tiếng An-phông-xơ Đô-đê (1840 - 1897) kể về lớp Tiểu học ở một làng quê nhỏ bé vùng An-dát, Lo-ren vào thời kì bị quân Phổ (Đức) chiếm đóng. Chính quyền Phổ sau khi thắng Pháp đã cắt phần đất giáp biên giới này nhập vào nước Phổ và ra lệnh các trường học phải dạy bằng tiếng Đức. Buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp đã diễn ra trong không khí trang nghiêm và cảm động.

Hai nhân vật chính của truyện là chú học trò Phrăng và thầy giáo già Ha-men. Diễn biến tâm lí của hai nhân vật này được nhà văn miêu tả rất tự nhiên, chân thực.

Sáng hôm nay, lúc đi qua trụ sở xã, thấy có nhiều người đứng lố nhố trước bảng dán cáo thị của quân Đức, Phrăng đã nghĩ bụng: Lại có chuyện gì nữa đây? Khi tới trường, điều làm cho chú lạ lùng hơn nữa là không khí lớp học mọi ngày ồn ào như vỡ chợ thì lúc này mọi sự đều bình lặng y như một buổi sáng chủ nhật.

Nhìn qua cửa sổ, Phrăng thấy các bạn đã ngồi vào chỗ và thầy Ha-men đang đi đi lại lại với cây thước sắt khựng khiếp kẹt dưới nách. Cậu ta rón rén mở cửa bước vào lớp trước sự chứng kiến của mọi người. Cậu đỏ mặt tía tai và sợ hãi vô cùng. Chỉ khi đã ngồi xuống chỗ của mình, cậu mới hoàn hồn và nhận ra những điều khác lạ trong giờ học hôm nay. Thầy Ha-men chẳng giận dữ trách phạt như mọi khi mà còn dịu dàng nói: Phrăng, vào chỗ nhanh lên con; lớp sắp bắt đầu học mà vắng mặt con.

Chú bé dần dần bình tĩnh lại và cảm thấy trong không khí yên lặng của lớp học có cái gì đó khác thường và trang trọng. Thầy Ha-men mặc bộ quần áo chỉ dành cho ngày lễ. Cậu thấy ở phía cuối lớp, trên những hàng ghế thường bỏ trống, dân làng ngồi lặng lẽ... Cụ già Hô-de, trước đây là xã trưởng, bác phát thư và nhiều người khác nữa. Trí óc non nớt của Phrăng không hiểu nổi tại sao buổi học hôm nay lại có những chuyện lạ lùng như vậy.

Thắc mắc của Phrăng đã được giải đáp sau câu nói của thầy Ha-men: Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin là từ này chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An-dát và Lo-ren... Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến.

Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.

Phrăng choáng váng và trong lòng chú đột nhiên dấy lên sự căm phẫn đối với kẻ thù: A! Quân khốn nạn, thì ra đó là điều chúng vừa niêm yết ở trụ sở xã. Rồi chú thảng thốt, tiếc nuối và tự giận mình ham chơi, lười học bấy lâu nay:

Bài học Pháp văn cuối cùng của tôi!...

Mà tôi thì mới biết viết tập toạng! Vậy là sẽ chẳng bao giờ được học nữa ư, phải dừng ở đó ư!... Giờ đây tôi tự giận mình biết mấy về thời gian bỏ phí, về những buổi trốn học đi bắt tổ chim hoặc trượt trên hồ.

Như có một phép màu kì diệu làm, thay đổi nhanh chóng suy nghĩ của Phrăng: Những cuốn sách vừa nãy tôi còn thấy chán ngán đến thế, mang nặng đến thế, quyền ngữ pháp, quyền thánh sử của tôi giờ đây dường như những người bạn cố tri mà tôi sẽ rất đau lòng phải giã từ. Cũng giống như thầy Ha-men. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy vụt thước kẻ.

Đang suy nghĩ mung lung thì Phrăng nghe thầy gọi đọc bài. Chú ân hận vì đã không chịu học thuộc bài mà thầy đã dặn. Sự ân hận đã thành nỗi xấu hổ và tự giận mình. Chú ao ước: Giá mà tôi đọc được trót lọt cái quy tắc về phân từ hay ho ấy, đọc thật to, thật đõng dạc, không phạm một lỗi nào thì dù có phải đánh đổi gì cũng cam...

Vì không thuộc bài nên Phrăng lúng túng... lòng rầu rĩ, không dám ngẩng đầu lên. Chú càng thấm thía và đau xót bởi câu nói sâu sắc của thầy: Giờ đây những kẻ kia có quyền bảo chúng ta rằng: "Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người!...".

Lẽ ra, Phrăng đã bị thầy trừng phạt như mọi ngày nhưng hôm nay, thầy chỉ ân cần khuyên nhủ, phân tích cho chú rõ tác hại của thói xấu coi nhẹ việc học hành, nhất là học tiếng mẹ đẻ.

Phrăng thấm thía lời thầy dạy và điều không thể tin được đã xảy ra: tôi kinh ngạc thấy sao mình hiểu đến thế. Tất cả những điều thầy nói, tôi thấy thật dễ dàng, dễ dàng. Tôi cũng cho là chưa bao giờ mình chăm chú nghe đến thế.

Đây là một tâm trạng rất lạ: kinh ngạc đối với chính bản thân mình. Quả là một đột biến nhưng là sự đột biến có quy luật, bởi chính buổi học cuối cùng này đã khơi dậy trong Phrăng niềm say mê học tập, tình yêu sâu sắc tiếng nói dân tộc mà trước đây chú - và nhiều người khác đã từng coi thường. Chính trong tâm trạng xấu hổ, tự giận mình ấy mà khi nghe thầy Ha-men giảng ngữ pháp, chú đã thấy thật rõ ràng và dễ hiểu.

Sự khâm phục, tự hào của Phrăng về người thầy bộc lộ rõ nhất là trong giây phút kết thúc buổi học. Thầy Ha-men đã khơi dậy nỗi đau đớn, tủi nhục khi quê hương bị giặc thôn tính và đồng hoá; đồng thời thắp sáng tình yêu tha thiết tiếng nói của dân tộc trong lòng mọi người. Đây chính là điều khiến cho Phrăng cảm thấy thầy giáo của mình rất đổi lớn lao.

Phrăng cảm động vô cùng. Hình ảnh thầy giáo Ha-men tận tụy và đáng kính sẽ mãi mãi in sâu trong tâm trí chú bé.

Thầy giáo Ha-men đã gắn bó với ngôi trường làng nhỏ bé suốt bốn mươi năm - gần như cả cuộc đời. Vậy mà sau buổi học cuối cùng này, thầy phải ra đi. Quân xâm lược Phổ bắt buộc từ ngày mai, các trường học ở vùng này phải dạy bằng tiếng Đức. Cái quy định ngạo ngược ấy khiến cho thầy giáo già cảm thấy đau đớn và tủi nhục.

Tuy đã chuẩn bị ra đi nhưng thầy Ha-men vẫn nặng lòng với ngôi trường quen thuộc cùng đám học trò nghèo rất đáng thương của thầy.

Trong buổi học sáng nay, thầy mặc bộ lễ phục trang trọng:... chiếc áo rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn và đội chiếc mũ tròn bằng lụa đen thêu mà thầy chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng. Bằng cách ấy, thầy Ha-men tôn vinh buổi học tiếng Pháp cuối cùng này.

Bên trong con người thầy Ha-men cũng có những thay đổi lớn lao. Thái độ của thầy đối với học sinh khác hẳn ngày thường. Mọi khi, với cây thước sắt khùng khiếp kẹp dưới nách, thầy trừng phạt đến nơi đến chốn những trò nào đi học trễ hoặc không thuộc bài. Nhưng hôm nay, thầy thật dịu dàng và đa cảm. Thầy không quở trách Phrăng mà ân cần khuyên nhủ chú và các học sinh khác trong lớp nên chăm chỉ học hành, nhất là học cho thông thạo tiếng Pháp - tiếng mẹ đẻ của mình. Thầy ca ngợi tiếng Pháp, bảo rằng đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất; phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...

Rồi thầy dạy bài ngữ pháp. Phrăng cảm thấy chưa bao giờ thầy kiên nhẫn giảng giải đến thế. Cứ như thế trước khi ra đi, con người tội nghiệp muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu óc lũ trẻ. Thầy chuẩn bị những mẫu chữ mới tinh: Pháp, An-dátviết bằng kiểu chữ "rông" thật đẹp cho học sinh tập viết với dụng ý khẳng định vùng đất này mãi mãi thuộc về nước Pháp.

Thầy đề cao vai trò tiếng nói của dân tộc và coi đó như một sức mạnh tinh thần to lớn. Theo thầy thì yêu quý, giữ gìn và trau dồi ngôn ngữ dân tộc cũng là một biểu hiện cụ thể của tình yêu Tổ quốc.

Cảm động biết mấy là hình ảnh thầy đứng lặng im trên bục và đắm đắm nhìn những đồ vật quanh mình như muốn mang theo trong ánh mắt toàn bộ ngôi trường nhỏ bé của thầy...

Thầy Ha-men vẫn đủ can đảm dạy... cho đến hết buổi. Khi nghe tiếng chuông đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ và tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ... Thầy Ha-men đứng dậy trên bục, người tái nhợt. Thầy nghẹn ngào nói lời chia tay với mọi người nhưng nỗi xúc động ghê gớm khiến cho thầy không nói được hết câu. Bất ngờ thay, thầy quay về phía bẳng, cầm một hòn phấn và dẫn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: "Nước Pháp muôn năm!". Đó là tất cả những gì thầy muốn nói trong giây phút cuối cùng này.

Buổi học cuối cùng là một câu chuyện tự nhiên, chân thực và cảm động, chứa đựng ý nghĩa thật sâu xa. Có thể coi truyện ngắn này là bài học về lòng yêu nước không chỉ của dân tộc Pháp mà là của chung các dân tộc trên toàn thế giới. Thông qua truyện, tác giả khẳng định rằng: muốn giữ vững được chủ quyền độc lập tự do của đất nước, trước hết mỗi người dân phải có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài sản tinh thần vô giá mà tổ tiên, ông cha để lại: đó là ngôn ngữ, là tiếng nói thiêng liêng của dân tộc tự bao đời.



Bài văn Miêu tả hình tượng nhân vật thầy Ha-men và chú bé Phrăng số 2

Dân tộc, tiếng nói của dân tộc nhiều khi chỉ như những khái niệm trừu tượng, mờ hồ trong cuộc sống bình thường ít được để ý. Nó giống như bát cơm ta ăn, không khí ta hít thở hằng ngày. Nhưng ở vào một hoàn cảnh nào đó: không khí không còn, bát cơm đã mất, ta mới hiểu hết ý nghĩa sống còn của nó! Chủ quyền của nước Pháp, tiếng Pháp đối với nhân dân hai vùng An-dát và Lo-ren, một lần đã đặt ra như thế. Và dù chỉ một lần, đối với người đọc chúng ta, nó mãi mãi không quên.

Nhân vật cậu bé Phrăng vừa là nhân vật trung tâm vừa đóng vai kể chuyện là rất thích hợp. Một mặt, khi nhân vật tự kể chuyện mình, tác phẩm sẽ có được sự gần gũi, chân thành, nó đảm bảo tính trung thực đối với người nghe. Một mặt, dụng ý của tác giả phải chăng là đem đến cho bạn đọc một bài học sâu sắc, bài học vỡ lòng về những tư tưởng lớn từ những rung động đầu đời, của một cách cảm, cách nhìn, một tâm lí trẻ thơ. Chính là với ý nghĩa thứ hai này mà câu chuyện trở nên cảm động sâu sắc, thấm thía vì bao nhiêu vấn đề nghiêm trọng của lịch sử, của nhân dân đặt lên đôi vai nhỏ bé, thơ ngây của một em bé vừa cắp sách đến trường. Vấn đề "điểm nhìn" ấy là một sáng tạo độc đáo của nhà văn.

Nếu chỉ là một đứa trẻ lười học, mãi chơi, bé Phrăng chẳng có gì đáng nói. Cùng với "đứa trẻ", Phrăng còn là một "cậu học trò". Chính ý thức được như thế, em đã tự vượt lên những cảm dỗ, cả sự sợ hãi để "ba chân bốn cẳng chạy đến trường" vì lúc đó "đã quá trễ giờ lên lớp". Để có được quyết định dứt khoát này, bé Phrăng đã khước từ lời mời mọc của các cuộc trốn học và rong chơi, nhất là có cơ để rong chơi: bài học về phân từ em chưa thuộc. Buổi sáng hôm nay lại là một buổi sáng đẹp trời, có nhiều thứ để nghe và để xem không chán mắt, hấp dẫn hơn nhiều quy tắc về phân từ tiếng sáo hót ven rừng, trên cánh đồng cỏ sau xưởng cưa, lính Phỏ đang tập. Không bị cuốn vào những sức hút bản năng ấy, ý thức về bổn phận trở

dậy, dù thế nào (kể cả sự quở mắng và trách phạt của thầy giáo), em không thể không có mặt ở trường. Chính với quyết định dứt khoát ấy, Phrăng không tò mò dừng lại trước bảng dán cáo thị mà nhiều người đứng xem mặc dù thâm tâm thắc mắc: "Lại có chuyện gì nữa đây?". Cũng như thế, em đã bó ngoài tai câu nói đầy ẩn ý của bác phó rèn: "Đừng vội vã thế cháu ơi, đến trường lúc nào cũng vẫn còn là sớm!".

Cảm giác ngạc nhiên của Phrăng trước không khí lớp học khác thường mà đầu óc ngây thơ chưa cho phép em hiểu nổi bắt đầu từ cái im ắng chưa từng có ở đây: sự hỗn độn, ồn ào thường xảy ra vào lúc đầu buổi học tự nhiên biến mất, một ngày học bình thường mà y như một buổi sáng chủ nhật. Phrăng dường như không tin ở mắt mình vì lớp học vẫn là lớp học ấy, bạn ấy, thầy ấy, nhất là thầy Ha-men đáng sợ đang "đi đi lại lại với cây thước sắt khùng khiếp kẹt dưới nách". Cái không khí lớp học chưa thể gọi thành tên thì chính tên em đã bị gọi. Vì tội đi học muộn, lẽ ra Phrăng phải chịu một sự trừng phạt nghiêm khắc (chính Phrăng cũng cảm thấy tội lỗi của mình, khi bước chân vào lớp học đã "đỏ mặt tía tai"). Nhưng sự trừng phạt đã không diễn ra, thay thế vào đó là một giọng nói dịu dàng, và gương mặt thầy Ha-men không hề giận dữ. Cảm giác ngạc nhiên còn được tăng cường sau đó bởi Phrăng đột ngột nhận ra cách ăn mặc "trang trọng" của thầy. Còn cái ngạc nhiên cuối cùng thì gần như khó hiểu: dân làng cũng có mặt (chắc không phải là khách mời vì ai nấy đều buồn rầu), riêng cụ Hô-de thì mang theo quyển tập đánh vắn đã cũ. Bao nhiêu dấu hỏi xuất hiện trong đầu Phrăng. Thế mà chỉ một câu nói của thầy Ha-men, em đã hiểu ra tất cả. Câu nói ấy như một lời trăng trối, lời từ biệt cuối cùng: "Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con...". Sự "choáng váng", phản ứng tức thời trước thông báo của thầy giáo về tình hình lúc đó đồng thời với Phrăng, em còn hiểu rộng ra vấn đề nghiêm trọng hơn nhiều mà tờ cáo thị ở trụ sở xã loan tin, cậu học trò nhỏ ấy bước vào giờ học với một tâm thế "người lớn" đến ngạc nhiên.

Tính chất "người lớn" trong nhận thức của Phrăng đã giúp em bàng hoàng hiểu ra tất cả. Trước hết đó là những day dứt, ăn năn. Cái đầu rỗng tuếch của em trước đó không có chỗ cho những cuốn sách, giờ đây những cuốn sách trở nên thân thiết như người bạn cố tri. Còn thầy giáo dù có lúc trừng phạt học trò nghiêm khắc thì đâu có phải là độc ác, nhẫn tâm đáng để mình oán giận. Sự ân hận của Phrăng gặp được sự đồng cảm không lời của những người tưởng như chẳng liên quan gì đến lớp học. Sự hiện diện của các cụ già trong giờ học hôm nay phải chăng cũng là hành vi lặng thầm của những người nhận lỗi "đã không lui tới ngôi trường này thường xuyên hơn". Sự ân hận, xót xa mỗi người một cách: ở Phrăng, phải dừng lại một môn học chỉ "mới biết viết tập toạng", còn các cụ già biết quý trọng tiếng nói

của Tổ quốc thì: "Tổ quốc đang ra đi...". Trong bối cảnh tinh thần ăn năn sám hối ngưng đọng cả không gian lớp học ấy, nếu được chuộc lỗi dù chỉ một lần, một lần tỏ ra không phụ công thầy giáo là "đọc thật to, thật đống dạc, không phạm một lỗi nào" cái quy tắc về phân từ khi thầy gọi đến thì dù "có phải đánh đổi gì cũng cam". Cơ hội ấy bất ngờ đã đến, nhưng vì trót lười học, Phrăng đã "không dám ngẩng đầu lên". Cái ngưng ngưng đáng xấu hổ vì không thuộc bài ở câu học trò nhỏ, qua lời phân tích đơn giản mà sâu xa của thầy Ha-men, đã trở thành tội lỗi. Lòng tự trọng dân tộc, lương tâm dân tộc nghe văng vẳng bên tai vừa là tiếng nói của người nói, vừa là tiếng nói của người nghe còn đau hơn khi bị "vụt thước kẻ" nhiều lần: "Thế nào! Các người tự nhận là dân Pháp, vậy mà các người chẳng biết đọc, biết viết tiếng của các người!...". Bỗng lớn lên như một kẻ đã trưởng thành, trong giờ ngữ pháp hôm nay, chính Phrăng đã kinh ngạc thấy mình sao lại hiểu nhanh đến thế, thầy giáo kiên nhẫn giảng bài đến thế! Phải chăng có một sức thôi thúc ghê gớm bên trong ở người thầy "muốn truyền thụ toàn bộ tri thức của mình, muốn đưa ngay một lúc tri thức ấy vào đầu óc chúng tôi". Ý thức đối với Tổ quốc ở Phrăng cũng theo đó mà lớn dần lên trong con người nhỏ bé. Lúc đầu là sự tức giận quân thù: "A! Quân khốn nạn...". Sự uất ức ngấm ngấm từ cảm tính nâng dần lên lí tính: bắt người Pháp học tiếng Đức. Sự uất ức này khiến Phrăng liên tưởng đến những chú bồ câu "Liệu người ta có bắt cả chúng nó cũng phải hát bằng tiếng Đức không nhỉ?". Còn đối với những cụ già như cụ Hô-de, tâm hồn ngây thơ của Phrăng cũng rung rung thương cảm. Nghe tiếng cụ đánh vần giọng run run với cách phát âm kì cục "tất cả chúng tôi muốn cười và cũng muốn khóc". Và dĩ nhiên, thầy giáo Ha-men lúc này như đại diện cho lương tâm nước Pháp, cho tiếng Pháp, đẹp đẽ biết chừng nào trước con mắt của Phrăng "Chưa bao giờ tôi cảm thấy lớn lao đến thế".

Nhân vật thầy giáo Ha-men tuy là một nhân vật được quan sát, miêu tả bằng con mắt trẻ thơ (cậu học trò Phrăng) nhưng có vị trí trung tâm trong Buổi học cuối cùng. Thầy làm chủ lớp học, làm chủ những bài học và làm chủ bản thân trong một hoàn cảnh mà người thầy có lương tâm không thể điếm nhiên bước lên bục giảng. Trước hết, buổi học ấy đối với thầy là buổi học thiêng liêng, vì nó không giống với bất cứ buổi học nào trong bốn chục năm dạy học đã qua của thầy, nghĩa là cả một đời gắn bó. Nếu thầy giáo phải xa rời học trò vì những lí do khác, những tình cảm và kí ức trong nghề tuy có lưu luyến lúc chia tay cũng không thể long trọng, trang nghiêm đến mức thầy phải mặc áo rơ-đanh-gốt, đội mũ tròn bằng lụa đen thêu (thường chỉ dùng vào những hôm có thanh tra hoặc phát phần thưởng). Hình như thầy chuẩn bị cho cuộc tiễn đưa một cái gì còn lớn hơn thế, tiễn đưa với thái độ tôn kính và rất đổi buồn rầu (như cái buồn rầu của cụ Ha-de, bác phát thư và đại biểu dân làng ngồi ở những chiếc ghế hàng ngày bỏ không ở cuối lớp).

Chính vì đây là buổi học cuối cùng với tất cả ý nghĩa thiêng liêng mà thầy nhận thức được. Những bài giảng của thầy thật khúc chiết, trong sáng (kể cả môn ngữ pháp rắc rối), như rót vào tai học trò, biến cái khó thành cái dễ một cách đáng ngạc nhiên mà những học trò không mấy thông minh như bé Phrăng cũng cảm nhận một cách rõ ràng. Đồ dùng dạy học của thầy trong giờ viết tập cũng thế, dường như cứ đập vào mắt học trò, vì trên những tờ mẫu mới tinh, những con chữ viết bằng chữ "rông" của thầy thật đẹp. Những chữ "Pháp, An-dát, Pháp, An-dát" như bay bổng và có hồn khiến cho những tờ mẫu trên bàn học của các trò "trông như những lá cờ nhỏ bay phấp phới khắp xung quanh lớp". Một điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là thầy đổi mới cách xưng hô, thay đổi một quan hệ tương là bất di bất dịch một cách cứng nhắc, biến quan hệ thầy trò thành tình cảm cha con, biến giọng giáo huấn răn đe thành nhẹ nhàng, nhắc nhở. Với học trò cô phần cá biệt như Phrăng đi học trễ giờ thì lời nói của thầy: "Phrăng, vào chỗ nhanh lên con ; lớp sắp bắt đầu học mà vắng mặt con" phảng phất sự buồn rầu. Với tội không học bài (lại vẫn là với bé Phrăng) thì: "Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu, con bị trừng phạt thế là đủ rồi" lại có gì như xót xa ân hận. Có lẽ sự trang trọng cùng với sự dịu dàng tạo nên chất giọng bè đôi khi thầy nói với học trò lúc bước chân lên bục giảng là không thể nào khác được. Vì sao vậy? "Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con...".

Vẫn nghiêm khắc với học trò như từ trước đến nay song, với hiện tượng học sinh lười học, thầy lại không gay gắt, nặng lời. Giọng nói của thầy là giọng độc thoại. "Chà! Còn khối thì giờ. Ngày mai ta sẽ học". Còn cha mẹ các em "thích cho các con làm việc đồng áng hoặc vào làm nhà máy sợi để kiếm thêm dăm xu", nghĩa là chẳng thiết tha lắm với việc con cái học hành. Những ý nghĩ cạn nông ấy chẳng đáng trách lắm sao? Riêng thầy cũng thế, cũng có hôm cao hứng cho học trò nghỉ với lí do không thể chấp nhận được (sai học trò nghỉ học tưới cây, nghỉ học để thầy đi câu cá hương). Nhưng dù sao những lỗi lầm không sao sửa chữa được ấy đã thuộc về quá khứ vì buổi học hôm nay là buổi học cuối cùng.

Trong hoàn cảnh của hôm nay, hoàn cảnh của "chốn lao tù", muốn phá song sắt mà thoát ra, phải cần đến tiếng Pháp, tiếng nói của tự do mà không một thứ nhà tù nào xiềng xích được: "phải giữ lấy nó trong chúng ta và đừng bao giờ quên lãng nó, bởi vì khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ vững tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá chốn lao tù...". Ở vào cái phút yếu lòng nhất, khi đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi chuông cầu nguyện buổi trưa, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ..., nghĩa là quỹ thời gian không còn, người thầy như gục ngã. Nhưng không, thầy đã đứng lên. Đây là tâm nguyện thay cho lời từ biệt mà thầy dặn mạnh viên phấn và cố viết thật to: "Nước Pháp muôn năm!". Rồi đứng dựa đầu vào tường, ngôn ngữ đứt quãng của

thầy chỉ còn là cánh tay gầy guộc giơ lên cho học trò một cách chói vói. Không, nước Pháp không thể sụp đổ, tiếng Pháp không thể mất. Ấy là tiếng nói "từ vì đạo", tiếng nói sâu lắng, thiết tha từ trái tim của một người yêu nước.

Về nghệ thuật của tác phẩm, trước hết là cách kể chuyện từ ngôi thứ nhất với vai kể là một học trò nhỏ tuổi về buổi học cuối cùng như đã nhắc tới ở phần đầu bài viết. Đây là câu chuyện của Phrăng về bài học nằm ngoài bài học, bài học mà em quan sát, suy ngẫm, tự rút ra thấm đẫm nỗi ân hận xót xa và cả những gì thiêng liêng cao quý. Học tiếng Pháp không chỉ là học một ngôn ngữ, học tiếng Pháp còn là để giữ lấy nước Pháp. Và do vậy, để học nó, phải yêu nó và nhất là phải có nhân cách làm người. Cách kể chuyện gắn với điểm nhìn (của bé Phrăng), có một giọng điệu riêng, một thứ ngôn ngữ riêng thật hồn nhiên và gợi cảm. Ví dụ nhìn một thầy giáo nếu là người ngoài cuộc thì sẽ vô tư, chẳng có gì ám ảnh, nhưng với một đứa trẻ lười học như Phrăng thì không. Không dưới hai lần hình ảnh người thầy mẫu mực không rời khỏi vũ khí của mình: chiếc thước kẻ. Không cầm ở trên tay mà kẹp ở dưới nách, chiếc thước kẻ lợi hại ấy lúc nào cũng có thể ra tay. Ngay cách trang phục của thầy dưới con mắt tò mò của lũ học trò tinh nghịch bao giờ cũng là đối tượng để quan sát, khen chê, bình luận.

Vì vậy, chiếc áo không chỉ là chiếc áo, nó phải là rơ-đanh-gốt màu xanh lục, diềm lá sen gấp nếp mịn..., nghĩa là tỉ mỉ đến chân tơ kẽ tóc. Hoặc, cái lạng lẽ đến trang nghiêm của các cụ già được bé Phrăng giải mã rất thông minh: "đó là cách để tạ ơn thầy giáo chúng tôi về bốn mươi năm phụng sự hết lòng...". Sự nhạy bén trong cách nhìn người và sự cảm nhận tình huống ở cậu bé Phrăng nhiều khi đến độ sắc sảo, tinh vi. Trong Buổi học cuối cùng có hai loại nhân vật: nhân vật quan sát (chú bé Phrăng) và nhân vật được quan sát (thầy giáo Ha-men cùng với dân làng trong buổi học). Nếu ở loại nhân vật thứ nhất, nhà văn nghiêng về miêu tả đời sống nội tâm, những suy nghĩ và tâm trạng ở bên trong thì với loại nhân vật thứ hai chủ yếu là từ những quan sát bên ngoài: cử chỉ, hành vi, giọng điệu. Ví dụ ở nhân vật bé Phrăng, toàn bộ câu chuyện diễn ra là một chuỗi những ngạc nhiên liên tiếp: ngạc nhiên trước hiện tượng khác thường ở trụ sở xã, ngạc nhiên khi bước vào khoảng sân nhỏ nhà thầy Ha-men, ngạc nhiên trước giọng nói từ tốn dịu dàng của thầy với một học trò chưa chăm chỉ.

Những hiện tượng khách quan ấy tác động vào dòng ý thức, biến nhân vật Phrăng thành nhân vật cảm nghĩ. Khi giải đáp được băn khoăn "lại có chuyện gì nữa đây?" chính là lúc bao nhiêu ân hận giầy vò ập đến. Nhân vật Phrăng tự đối thoại với chính mình, tự rút ra những bài học xót xa, thấm thía. Cả với thầy Ha-men nữa, sợ sệt và có phần oán giận thầy là có đúng hay không? Điều "nhận ra" này làm cho

mối quan hệ giữa em với thầy từ xa cách trở nên gần gũi, từ vô cảm đến yêu thương và tôn kính hết lòng. Còn nhân vật thầy Ha-men, qua quan sát của bé Phrăng, thì đó là một tính cách nhất quán: tận tụy, yêu nghề, thiết tha với tiếng mẹ đẻ và cảm động nhất là trái tim cùng đập một nhịp với sự còn mất của nước Pháp hôm nay.

Tính cách kín đáo ấy thể hiện bằng sự yêu thương vô hạn với lớp học trò có những đứa chưa ngoan và ngốc nghếch. Chúng là tương lai của nước Pháp, chúng là những nạn nhân, phải trao "chìa khoá" cho chúng để chúng mở cửa chốn lao tù... Thầy Ha-men dưới con mắt của Phrăng mạnh mẽ biết bao mà cũng yếu đuối biết bao. Thật "tội nghiệp thầy" vì thầy sắp phải ra đi, vì cái tốt đẹp ở thầy không phải lúc nào cũng được học trò hiểu hết. Nhân vật Ha-men ở phần cuối tác phẩm làm ta liên tưởng đến chúa Giê-su chịu cực hình trên thánh giá. Ở đó kết tinh những phẩm chất của người thầy, của một công dân nước Pháp. Dù chỉ là một hư cấu nghệ thuật, một nhân vật "vô danh", làm một công việc cũng rất vô danh, nhưng lịch sử vẻ vang của nước Pháp được làm nên bởi chính những con người như thế.